

**CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG AEC VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG AEC VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AEC VIET NAM CONSTRUCTION TECHNOLOGY LIMITED LIABILITY COMPANY

Tên công ty viết tắt: AECVN CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108163923

**3. Ngày thành lập:** 08/02/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Ô 44 Liên kề 3 Khu đô thị Tân Tây Đô, Xã Tân Lập, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4220     |
| 2.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4312     |
| 3.  | Lắp đặt hệ thống điện<br>Chi tiết:<br>Thi công, Lắp đặt phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4321     |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4390     |
| 5.  | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết : Đại lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4610     |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết : Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>Bán buôn dụng cụ y tế<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm | 4649     |
| 7.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4651     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 8.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết : Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện ) | 4659 |
| 9.  | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                             | 4759 |
| 10. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết : Hoạt động trang trí nội thất                                                                                                                                                                                                                                                           | 7410 |
| 11. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4210 |
| 12. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4290 |
| 13. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4652 |
| 14. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Tư vấn chuyển giao công nghệ phòng cháy và chữa cháy; huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy                                                                                                                               | 7490 |
| 15. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7710 |
| 16. | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7729 |
| 17. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.                                                                                                                                                                                                | 8299 |
| 18. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4322 |
| 19. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4329 |
| 20. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4330 |
| 21. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4100 |
| 22. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp phương tiện, thiết bị phòng cháy và chữa cháy                                                                                                                                                                                                                   | 3290 |
| 23. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                              | 4741 |
| 24. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                | 4752 |
| 25. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                         | 4753 |
| 26. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4933 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 27. | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết:</p> <p>Khảo sát địa hình;</p> <p>Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình</p> <p>Quản lý dự án đầu tư xây dựng; quản lý chi phí đầu tư xây dựng đối với dự án đầu tư xây dựng, Quản lý chất lượng xây dựng công trình;</p> <p>Xác định, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án;</p> <p>Thiết kế quy hoạch xây dựng</p> <p>Thiết kế kiến trúc công trình;</p> <p>Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan;</p> <p>Thiết kế kết cấu công trình;</p> <p>Thiết kế điện - cơ điện công trình;</p> <p>Thiết kế cấp - thoát nước;</p> <p>Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt;</p> <p>Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng;</p> <p>Thiết kế phòng cháy - chữa cháy</p> <p>Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện;</p> <p>Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình;</p> <p>Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ.</p> <p>Xác định, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án;</p> <p>Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng;</p> <p>Đo bóc khối lượng;</p> <p>Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng;</p> <p>Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng;</p> <p>Kiểm soát chi phí xây dựng công trình;</p> <p>Lập, thẩm tra hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng, quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.</p> <p>Tư vấn Quản lý dự án xây dựng;</p> <p>Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng</p> <p>Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình</p> <p>Kiểm định xây dựng</p> <p>Lập quy hoạch xây dựng;</p> <p>Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng;</p> <p>Khảo sát xây dựng;</p> <p>Lập thiết kế, dự toán; thẩm tra thiết kế, dự toán xây dựng công trình;</p> <p>Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;</p> <p>Giám sát thi công xây dựng;</p> <p>Thi công xây dựng công trình;</p> <p>Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình</p> <p>Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy</p> | 7110(Chính) |
| 28. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4311        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 29. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>( Trừ bán buôn vàng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4662 |
| 30. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết : Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>Bán buôn xi măng<br>Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>Bán buôn kính xây dựng<br>Bán buôn sơn, vécni<br>Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>Bán buôn đồ ngũ kim<br>Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | 4663 |
| 31. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết : Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp<br>Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng<br>Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính)                                                                                                                                           | 7730 |

**6. Vốn điều lệ:** 4.500.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                                | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐÀO THANH TÙNG  | P1010 TT<br>TMVP&NƠ, 6/51/15<br>Ngọc Hồi, Phường<br>Hoàng Liệt, Quận<br>Hoàng Mai, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | 2.250.000.000         | 50,000    | 036085007201                                                                                                                                      |         |
| 2   | QUÁCH VIỆT DŨNG | Đồi Cốc, Xã Thanh<br>Xuân, Huyện Sóc<br>Sơn, Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam                                          | 2.250.000.000         | 50,000    | 013649207                                                                                                                                         |         |

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: ĐÀO THANH TÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 03/10/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 036085007201

Ngày cấp: 14/09/2017

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P1010 TT TMVP&NO, 6/51/15 Ngọc Hồi, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P1010 TT TMVP&NO, 6/51/15 Ngọc Hồi, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội